TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HS-ST
Ngày: 29/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Văn Hà

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Đặng Xuân Tự – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2021, tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/HSST- QĐ ngày 14 tháng 09 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn P**; Sinh năm: 1982; Nơi ĐKHKTT, nơi ở: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957; Con bà: Vũ Thị H, sinh năm: 1959. Có vợ: Trần Thị T, sinh năm 1985. Bị cáo có 3 con: con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 07/3/2017 bị TAND huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Ngày 26/4/2017 bị TAND huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Ngày 05/7/2017 bị TAND tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm xử phạt 4 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án phạm tội "Đánh bạc" buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 6 năm tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2021 đến ngày 15/7/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Vũ Quốc T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Anh: Vũ Đức T1, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(*Tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt, anh T có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, bị cáo nhiều lần cho Vũ Quốc T và Vũ Đức T1 vay với lãi suất cao như sau: Ngày 28/9/2020, bị cáo cho anh T vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/1 ngày. Khi cho anh T vay tiền, bị cáo trừ luôn tiền lãi của tháng vay đầu tiên là 2.700.000 đồng, thực tế anh T chỉ được cầm số tiền mặt là 27.300.000 đồng. Hàng tháng, T sẽ trả tiền lãi cho bị cáo bằng tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng của vợ bị cáo là Trần Thị T2 do bị cáo quản lý, sử dụng vào đúng ngày vay tiền tháng trước, đây là tiền lãi tính vào tháng tiếp theo. Anh T đã trả tiền lãi cho P đối với khoản tiền gốc 30.000.000 đồng trên từ ngày 28/9/2020 đến 27/7/2021 tổng số tiền 27.000.000 đồng; Ngày 28/12/2020, bị cáo cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng. Hai bên thống nhất về lãi suất và hình thức thanh toán lãi như lần đầu vay. Khi cho anh T vay tiền, bị cáo trừ luôn tiền lãi của tháng vay đầu tiên là 900.000 đồng, thực tế anh T chỉ được cầm số tiền mặt là 9.100.000 đồng. Anh T đã trả tiền lãi cho bị cáo đối với khoản tiền gốc 10.000.000 đồng trên từ ngày 28/12/2020 đến 27/7/2021 tổng số tiền là 6.300.000 đồng; Ngày 03/02/2021, bị cáo cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 900.000 đồng nên anh T chỉ được cầm số tiền mặt là 9.100.000 đồng. Anh T đã trả tiền lãi cho bị cáo đối với khoản tiền gốc 10.000.000 đồng trên từ ngày 03/02/2021 đến 02/6/2021 tổng số tiền là 3.600.000 đồng; Ngày 14/3/2021, bị cáo cho anh T vay số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 1.350.000 đồng nên anh Tuệ chỉ được cầm số tiền mặt là 13.650.000 đồng. Anh T đã trả tiền lãi cho bị cáo đối với khoản tiền gốc 15.000.000 đồng trên từ ngày 14/3/2021 đến 13/6/2021, do không có đủ tiền trả cho bị cáo, anh T nợ lại 200.000 đồng tiền lãi trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 5/2021, đến nay chưa trả được. Tổng số tiền lãi anh T trả cho bị cáo cho khoản vay này là 3.850.000 đồng; Ngày 04/4/2021, bị cáo cho anh T vay số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 1.350.000 đồng nên anh T chỉ được cầm số tiền mặt là 13.650.000 đồng. Anh T đã trả tiền lãi cho bị cáo đối với khoản tiền gốc 15.000.000 đồng trên từ ngày 04/4/2021 đến 03/6/2021 tổng số tiền là 2.700.000 đồng; Ngày 28/5/2021, bị cáo cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng. Anh T đã trả tiền lãi cho bị cáo đối với khoản tiền gốc 20.000.000 đồng trên từ ngày 28/5/2021 đến 27/6/2021 tổng số tiền là 1.800.000 đồng.

Ngày 16/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực có Công văn đề nghị ngân hàng Agribank, chi nhánh huyện Nam Trực sao kê tài khoản ngân hàng số 3212205280730 chủ tài khoản tên "Trần Thị T2" của chị Trần Thị T2 là vợ của bị cáo. Kết quả sao kê xác định: Ngày 28/11/2020, anh T chuyển khoản tiền lãi cho bị cáo số tiền 2.700.000 đồng; ngày 28/12/2020 chuyển số tiền lãi 2.700.000 đồng; ngày 28/01/2021 chuyển số tiền lãi 3.000.000 đồng; ngày 29/01/2021 chuyển số tiền lãi 600.000 đồng; ngày 01/3/2021 chuyển số tiền lãi là 3.600.000 đồng; ngày 03/3/2021 chuyển số tiền lãi là 900.000 đồng; ngày 29/3/2021 chuyển số tiền lãi là 4.500.000 đồng; ngày 14/4/2021 chuyển số tiền lãi 1.150.000 đồng; ngày 29/4/2021 chuyển số tiền lãi 4.500.000 đồng; ngày 04/5/2021 chuyển số tiền lãi 1.350.000 đồng; ngày 15/5/2021 chuyển số tiền lãi 1.350.000 đồng; ngày 31/5/2021 chuyển số tiền lãi 5.000.000 đồng; ngày 28/6/2021 chuyển số tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngoài ra, T còn thanh toán tiền lãi cho P số tiền mặt vào ngày 28/10/2020 là 2.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bị cáo đã thu về từ việc cho anh T vay tiền là 45.250.000 đồng.

Về lãi suất cho vay: Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay..." Theo đó lãi suất 20%/ năm tương đương với mức 1,6667%/ tháng. Bị cáo cho T vay với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ 1 ngày vay tương ứng với mức 90.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ 1 tháng vay = 9%/ 1 tháng. Như vậy, lãi suất cho vay của bị cáo gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định. Như vậy xác định số tiền lãi ở mức cao nhất cho phép theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc của P khi cho anh T vay như sau: Số tiền lãi đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng bị cáo cho anh T vay từ ngày 28/9/2020 đến ngày 27/7/2021 là 5.016.666 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo cho anh T vay từ ngày 28/12/2020 đến ngày 27/7/2021 là 1.172.222 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng bị cáo cho anh T vay từ ngày 3/2/2021 đến ngày 2/6/2021 là 666.500 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng, bị cáo cho anh T vay từ ngày 14/3/2021 đến ngày 13/6/2021 là 766.500 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng, bị cáo cho anh T vay từ ngày 4/4/2021 đến ngày 3/6/2021 là 508.000 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, bị cáo cho T vay từ ngày 28/5/2021 đến ngày 27/6/2021 là 344.000 đồng. Tổng số tiền lãi ở mức cao nhất theo quy định pháp luật khi bị cáo cho anh T vay tiền là 8.473.000 đồng. Như vậy số tiền mà bị cáo hưởng lợi bất chính từ việc cho T vay tiền là 45.250.000 đồng - 8.473.000 đồng = 36.777.000 đồng.

Ngoài số tiền bị cáo cho anh T vay ở trên, bị cáo còn cho anh Vũ Đức T1 vay nhiều lần với lãi suất cao, cụ thể như sau: Ngày 07/11/2020, bị cáo cho anh Tư vay số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/1 ngày vay; Ngày 05/12 và ngày 07/12/2020, bị cáo tiếp tục cho anh T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo chuyển khoản mỗi lần cho anh T1 vay là 100.00.000 đồng, hai bên thống nhất lấy ngày 07/12/2020 là ngày tính lãi của khoản vay 200.000.000 đồng này và cộng thêm 50.000.000 đồng anh T1 vay ngày 07/11/2020, tổng số tiền anh T1 vay bị cáo số tiền là 250.000.000

đồng và đều thống nhất lấy ngày 07/12/2020 là ngày tính lãi cho đến ngày 22/4/2021 với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/1 ngày vay. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng Agribank số 3212205280730 chủ tài khoản tên "Trần Thị T2" do Nguyễn Văn P sử dụng để nhận tiền lãi hàng tháng xác định: Ngày 17/11/2020, anh T1 chuyển khoản tiền lãi cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng cho khoản vay 50.000.000 đồng ngày 07/11/2020. Ngày 05/01/2021, anh T1 chuyển khoản tiền lãi cho bị cáo số tiền 9.500.000 đồng cho khoản vay 250.000.000 đồng. Ngày 28/01/2021, anh T1 chuyển khoản tiền lãi cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng cho khoản vay 250.000.000 đồng. Ngày 22/4/2020, anh T1 chuyển khoản tiền lãi cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng và 8.000.000 đồng cho khoản vay 250.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bị cáo đã thu về từ việc cho anh T1 vay tiền là 49.500.000 đồng.

Theo cách tính trên, lãi suất 20%/ năm tương đương với mức 1,6667%/ tháng. P cho anh T1 vay với mức lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ 1 ngày vay tương ứng với mức 150.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/ 1 tháng vay = 15%/ 1 tháng. Như vậy lãi suất cho vay của Nguyễn Văn P gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định.

Như vậy xác định số tiền lãi ở mức cao nhất cho phép theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc của bị cáo khi cho anh T1 vay như sau: Số tiền lãi đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng, bị cáo cho anh T1 vay từ ngày 07/11/2020 đến ngày 07/12/2020 là 833.000 đồng; Số tiền lãi đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng bị cáo cho anh T1 vay từ ngày 07/12/2020 đến ngày 22/4/2021 là 18.888.000 đồng. Tổng số tiền lãi ở mức cao nhất cho phép theo quy định pháp luật khi P cho anh T1 vay tiền là 19.721.000 đồng. Như vậy số tiền mà P hưởng lợi bất chính từ việc cho anh T1 vay tiền là 49.500.000 đồng – 19.721.000 đồng = 29.779.000 đồng

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 06/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ph về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 1 điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt tiền đối với Nguyễn Văn P từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo truy nộp số tiền 28.194.000 đồng là tiền lãi (tương ứng với lãi suất 20%/ năm) để sung Ngân sách Nhà nước. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo mà chưa trả tiền gốc phải truy thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Cụ thể: Truy thu của anh Vũ Quốc T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Truy thu của anh Vũ Đức T1 số tiền là 250.000.000 đồng(Hai trăm năm mươi triệu đồng). Buộc bị cáo trả cho anh Vũ

Quốc T số tiền là 36.777.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bẩy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và trả cho anh Vũ Đức T1 số tiền là 29.779.000 (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú ngày 09/7/2021; biên bản khám xét ngày 09/7/2021; bản sổ phụ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Nam Trực đối với tài khoản Trần Thị T2, biên bản ghi lời khai người quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc T, Vũ Đức T1. Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021 tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, bị cáo đã cho anh T vay tổng số tiền 100.000.000 với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày vay, cao hơn 5,4 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 36.777.000 đồng. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, Nguyễn Văn P đã cho anh Vũ Đức T1 vay tổng số tiền 250.000.000 với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày vay, cao hơn 9 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 29.779.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc Nguyễn Văn P cho anh Vũ Quốc T và anh Vũ Đức T1 vay tiền là 66.556.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc cho vay với lãi suất cao của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt mà vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn đồng thời bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo đã bị kết án chưa được xóa an tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[5]Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay và chưa trả cho bị cáo được xác định là phương tiện phạm tội nên cần truy thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách Nhà nước cụ thể: Truy thu của anh Vũ Quốc T số tiền là 100.000.000 đồng; Truy thu của anh Vũ Đức T1 số tiền là 250.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi theo quy định 20%/ năm là . Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên truy nộp từ bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%/ năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên trả lại cho người vay cụ thể: Bị cáo trả cho anh T1 số tiền là 29.779.000 đồng và trả cho anh T số tiền là 36.777.000 đồng.

[6] Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự vào ngày 28/9/2021 theo biên lai thu số 0000558 sẽ được đối trừ khi bị cáo chấp hành hình phạt tiền.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự".

- Phạt tiền 70.000.000 (Bẩy mươi triệu) đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự:

- Buộc bị cáo truy nộp số tiền 28.194.000 đồng là tiền lãi (tương ứng với lãi suất 20%/ năm) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo mà chưa trả tiền gốc phải truy thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Cụ thể: Truy thu của anh Vũ Quốc T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Truy thu của anh Vũ Đức T1 số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

- Buộc bị cáo trả cho anh Vũ Quốc T số tiền là 36.777.000 đồng (Ba mươi sáu triêu, bẩy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và trả cho anh Vũ Đức T1 số tiền là 29.779.000 (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Đối trừ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự vào ngày 28/9/2021 theo biên lai thu số 0000558 khi bị cáo chấp hành hình phạt tiền.

4.Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tcó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo, anh T, anh T1 có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- Bị cáo; người có QL&NVLQ;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- UBND xã Tân Thịnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS+VP.

Phạm Mạnh Cường